



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Lắp máy - Thí nghiệm Cơ Điện

Ngày 30/09/2025	19,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần Q3/25
7.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.43 6.6%
YoY: ▼4.57 -39.4%

LN thuần Q3/25
0.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.12 398%
YoY: ▲ 0.05 124%

LN sau thuế Q3/25
0.00
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
10.8%
YoY: +/- ▼ 4.6%

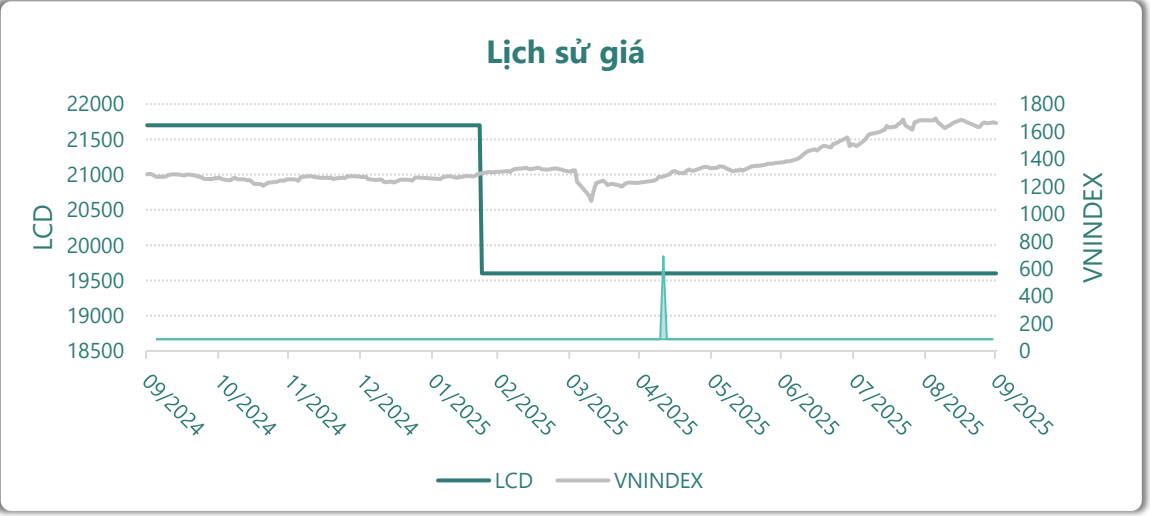
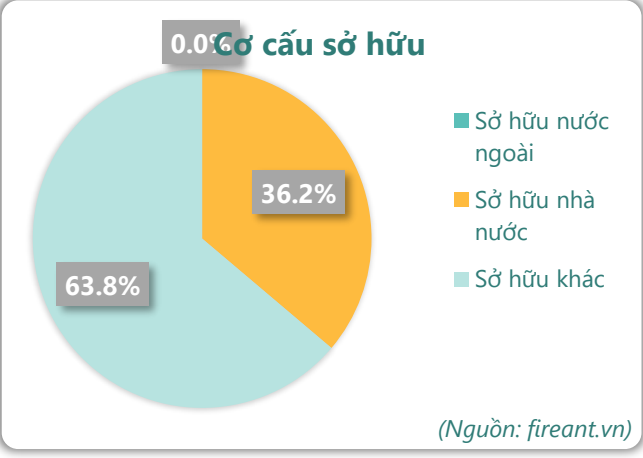
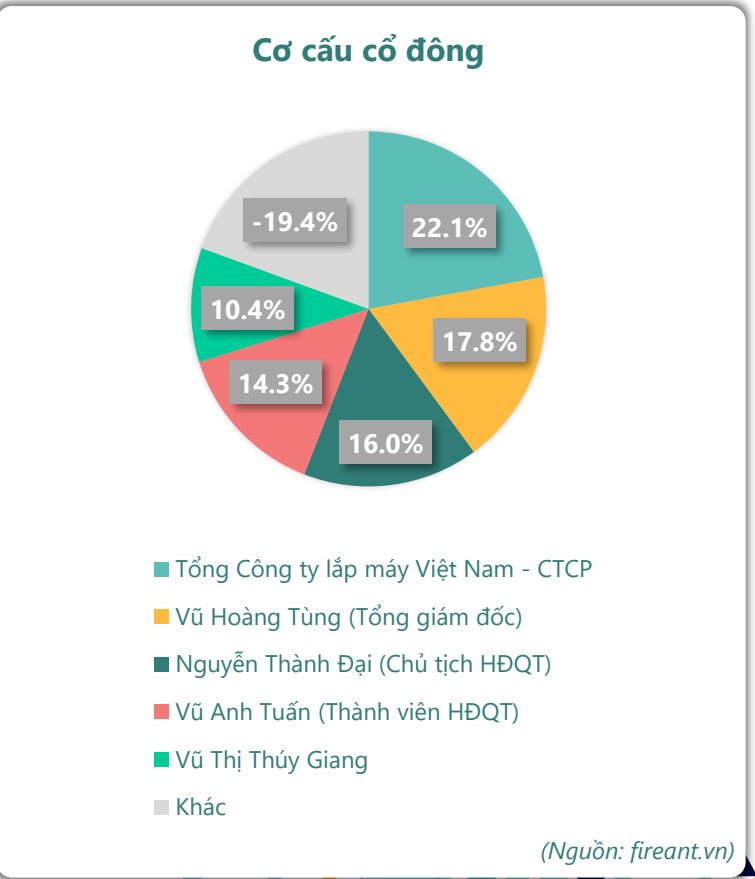
ROE (TTM) Q3/25
0.3%
YoY: +/- ▲ 0.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,600 - 21,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29
Số lượng CPLH (CP)	1,499,945
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	65
P/E	300.7

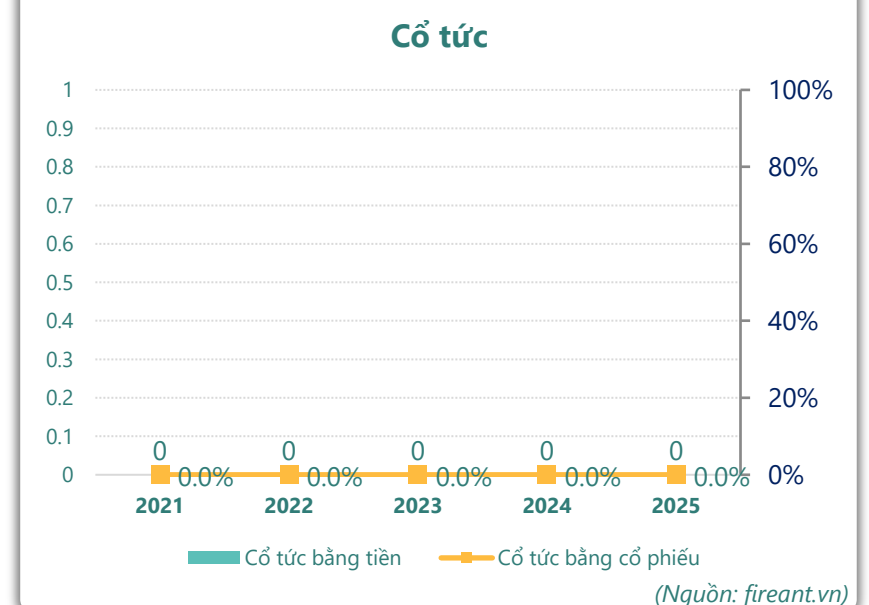
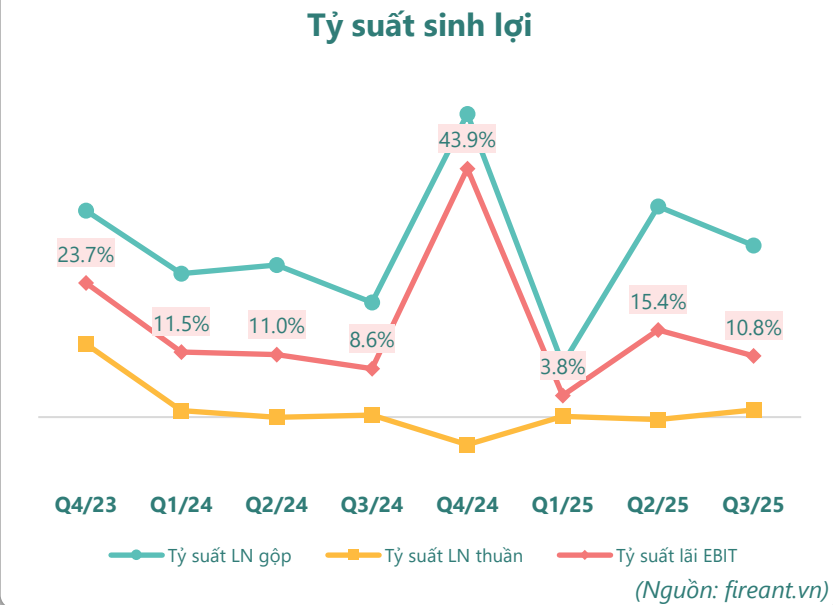
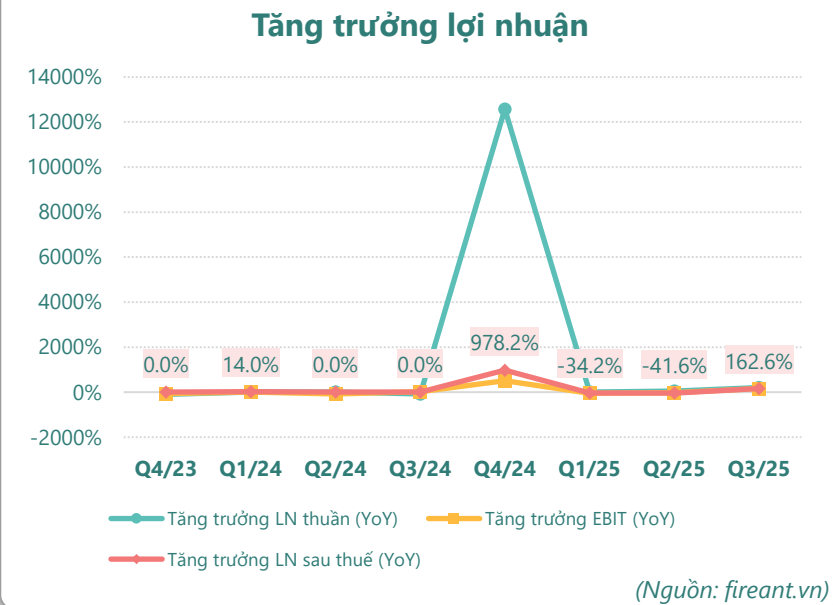
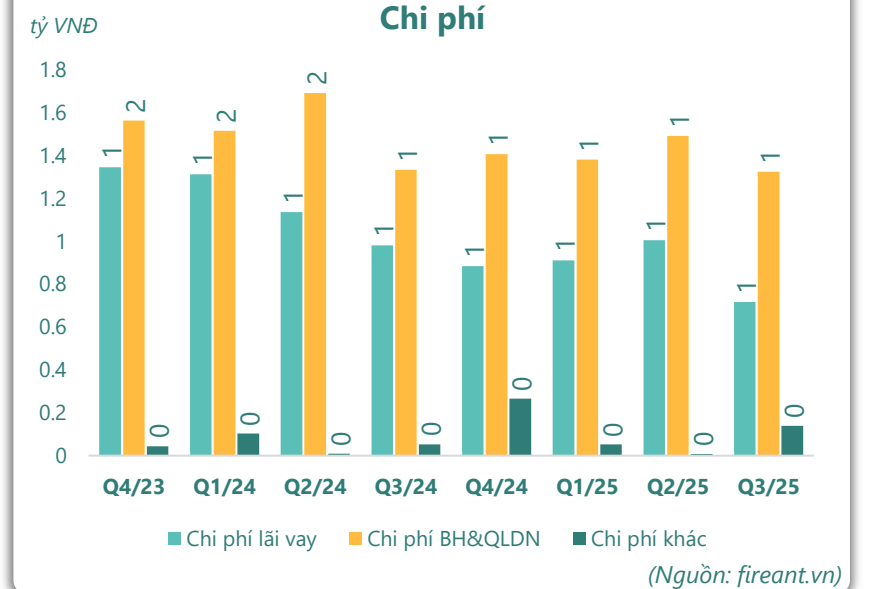
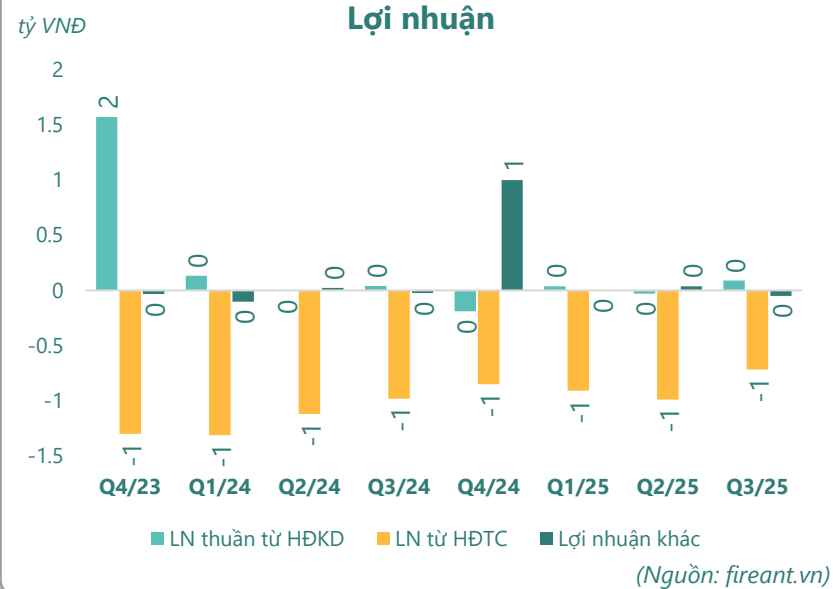
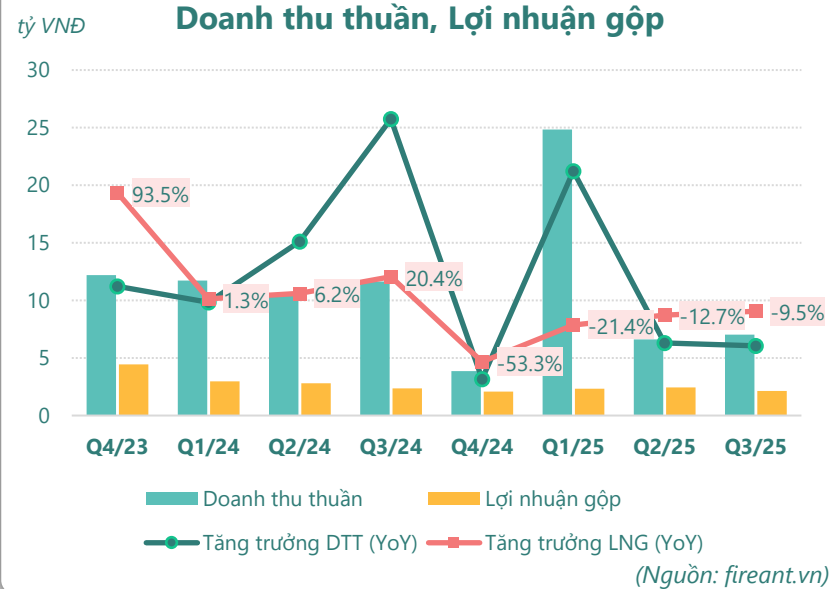
DT thuần 9T 2025
38.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.70 13.8%

LN thuần 9T 2025
0.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.07 -41.7%

LN sau thuế 9T 2025
0.03
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.01 71.2%



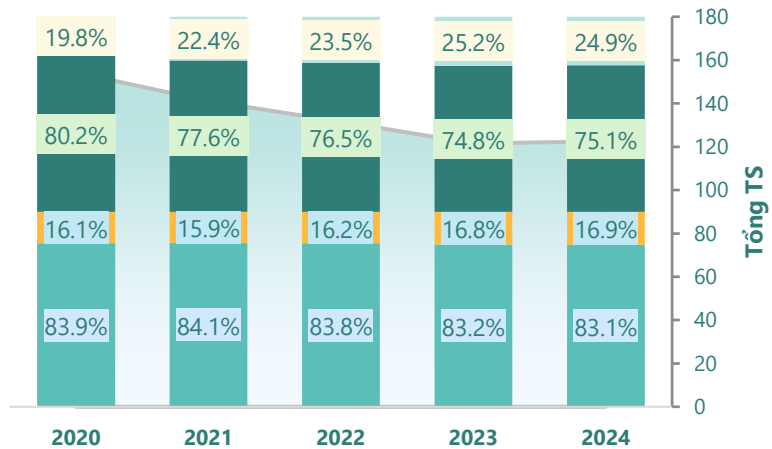
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

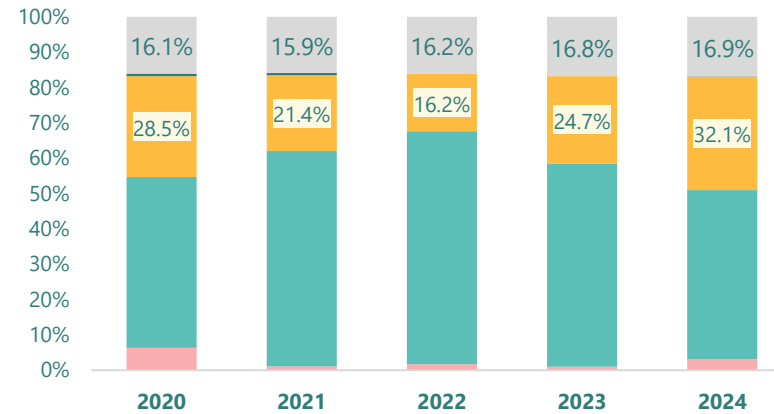
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

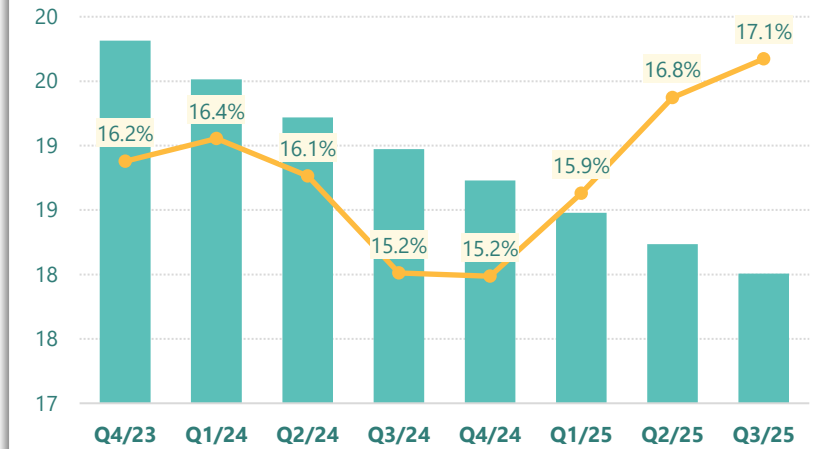


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

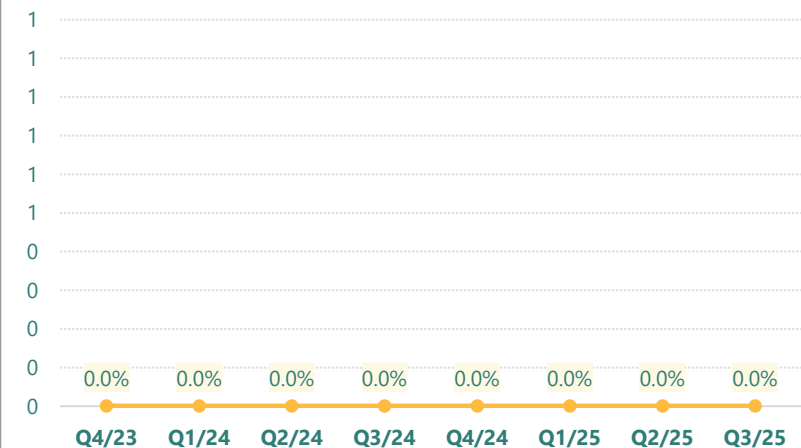


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

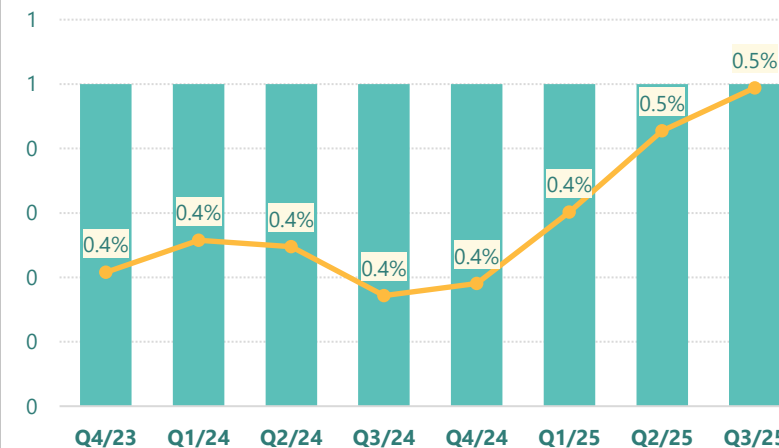


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

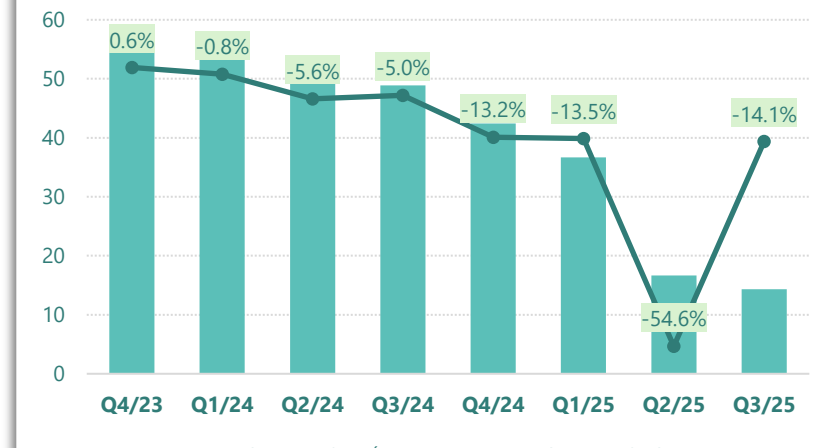


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

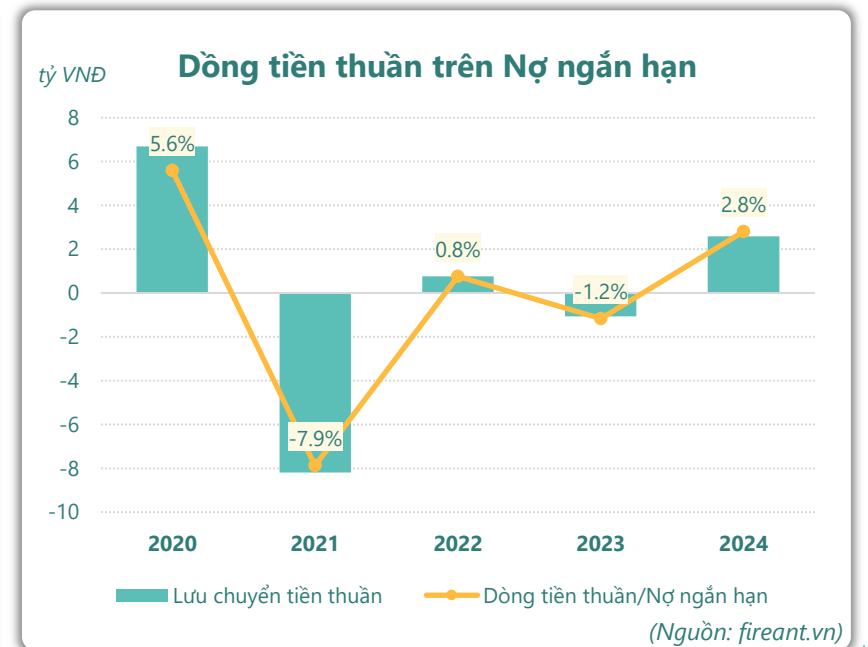
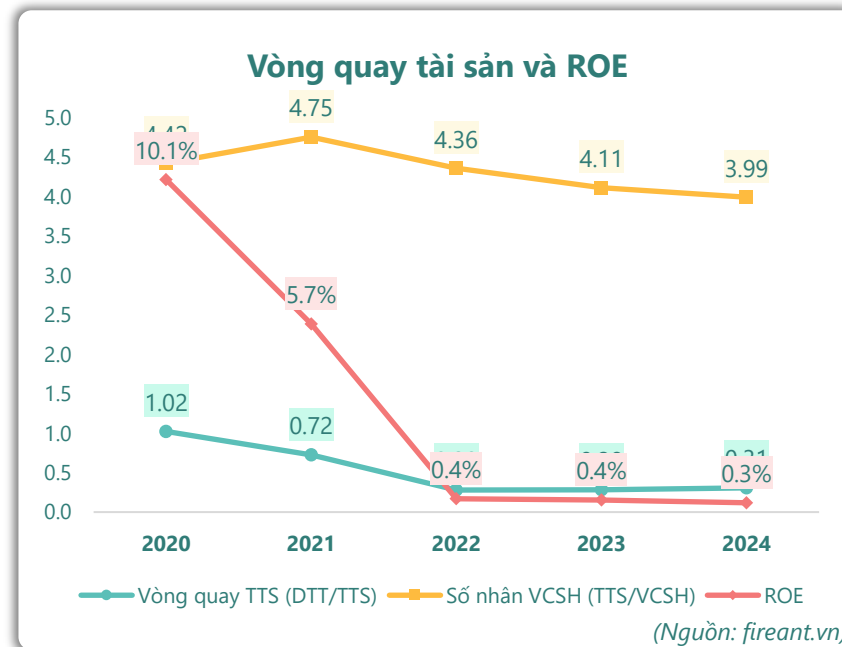
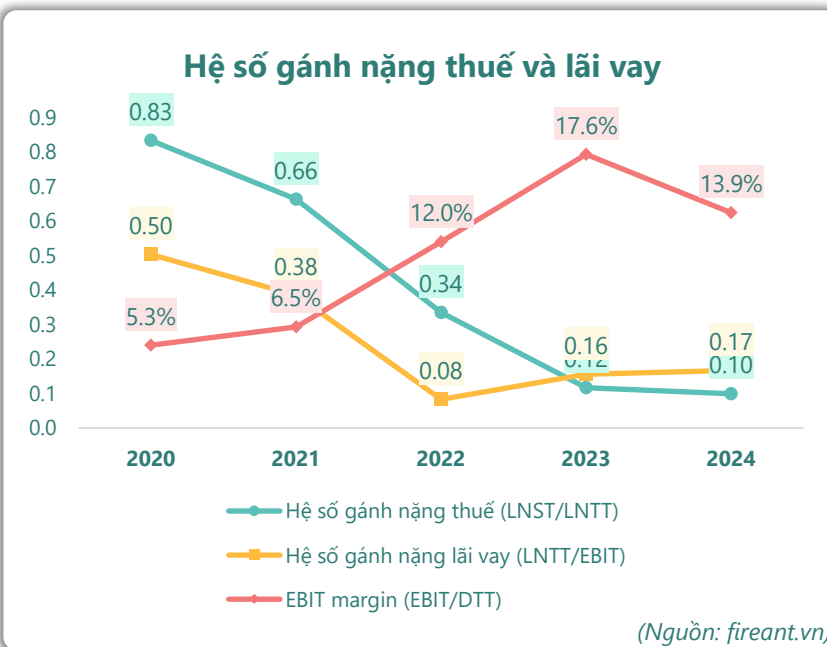
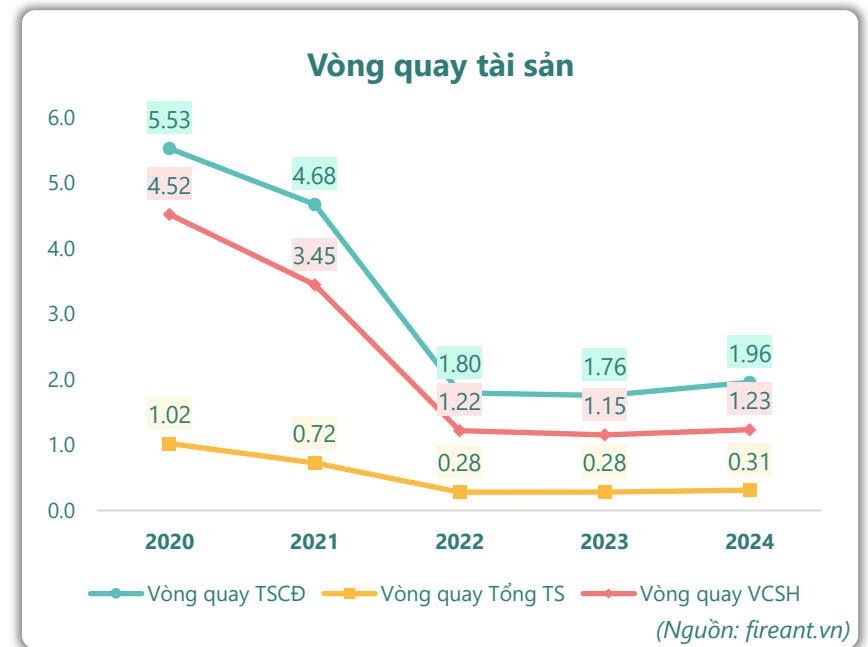
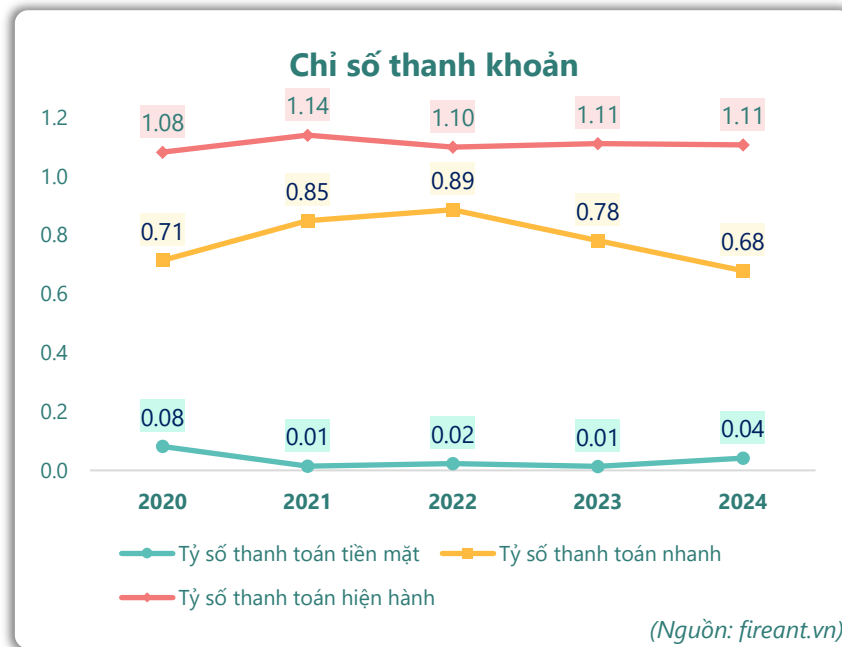
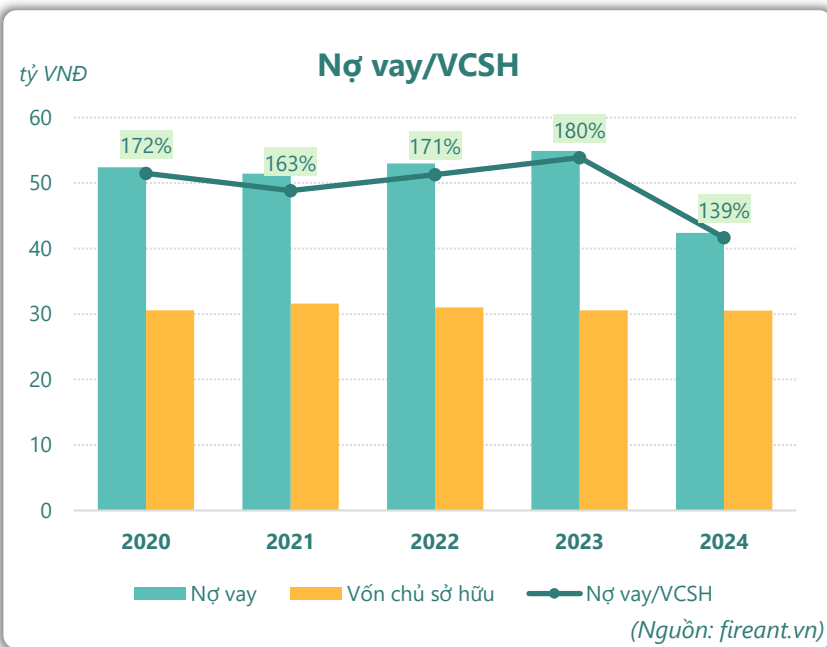


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	7.03	11.6	-39.4%	38.5	33.8	13.8%
Giá vốn hàng bán	4.90	9.29	-47.2%	31.6	25.7	22.9%
Lợi nhuận gộp	2.13	2.35	-9.3%	6.91	8.13	-14.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.02	0.02	6.0%
Chi phí TC	0.72	0.98	-26.8%	2.64	3.43	-23.2%
Chi phí lãi vay	0.72	0.98	-26.8%	2.64	3.43	-23.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.32	1.33	-0.4%	4.20	4.54	-7.6%
LN thuần từ HĐKD	0.09	0.04	124%	0.10	0.17	-41.7%
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.02	-147%	-0.01	-0.11	87.0%
LN trước thuế	0.04	0.02	101%	0.08	0.06	36.2%
Lợi nhuận sau thuế	0.00	0.00		0.03	0.02	71.2%
LNST của CĐ cty mẹ	0.00	0.00		0.03	0.02	71.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.00	3.34	9.64	1.74	22.4	-4.60
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.06	0	0.03	0.00	0.05	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.06	-2.55	-6.47	-5.72	-20.0	2.34
Tiền đầu kỳ	4.52	0.40	1.19	4.38	0.40	2.27
Lưu chuyển tiền thuần	-4.12	0.79	3.19	-3.98	2.44	-2.25
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	0.40	1.19	4.38	0.40	2.27	0.03

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	105	122	-14.1%
Tài sản ngắn hạn	85.1	102	-16.3%
Tiền và tương đương tiền	0.03	3.82	-99.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	61.4	58.6	4.7%
Hàng tồn kho	23.7	39.3	-39.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.00	-100%
Tài sản dài hạn	20.1	20.7	-3.1%
Phải thu dài hạn	1.49	1.39	7.4%
Tài sản cố định	18.0	18.7	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.06	0.09	-29.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	74.6	91.9	-18.8%
Nợ ngắn hạn	74.6	91.9	-18.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.3	42.4	-66.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.38	6.16	3.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	30.6	30.5	0.0%
Vốn chủ sở hữu	30.6	30.5	0.0%
Vốn điều lệ	15.0	15.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

